



shēn wéi

身为

prepositional phrase · as (being); in the capacity of

Example Sentences

Shēn wéi lǎo shī tā hěn yǒu nài xīn
身为老师，他很有耐心。

As a teacher, he is very patient.

Shēn wéi fù mǔ yīng gāi duō guān xīn hái zǐ de chéng zhǎng
身为父母，应该多关心孩子的成长。

As parents, you should care more about your children's growth.

Trace each character, then write the word on your own.

身	身	身	身	身	身	身	身	身	身
为	为	为	为	为	为	为			